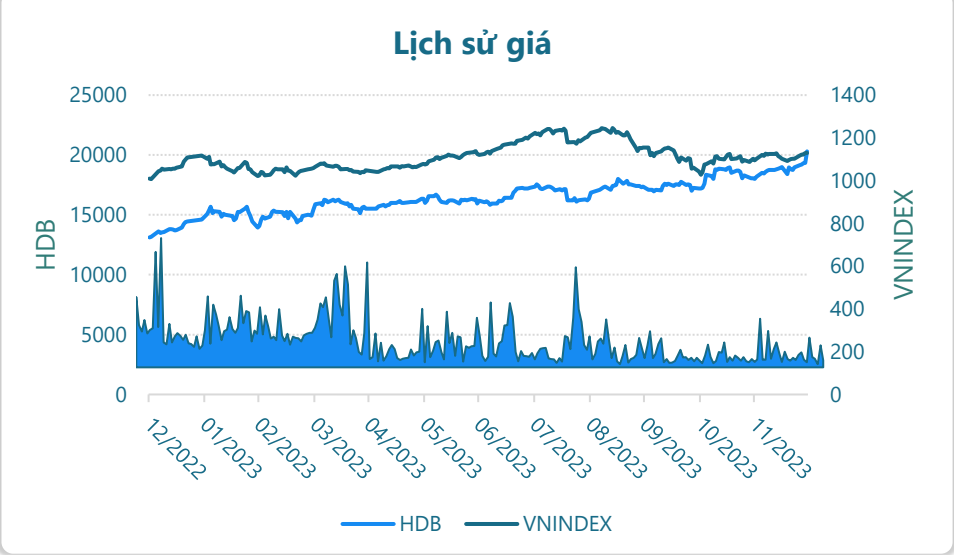
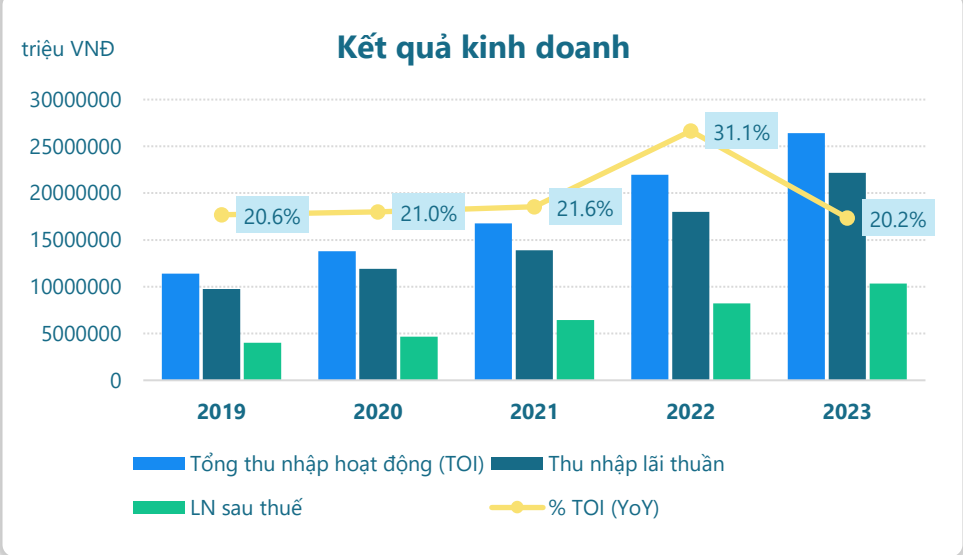
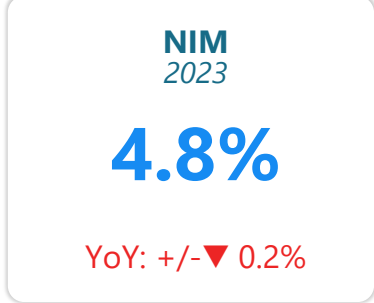
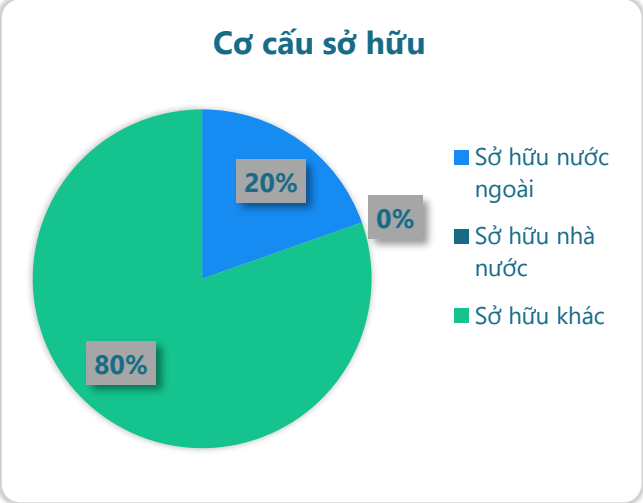


KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (HDB)

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 29/12/2023	20,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.7%	19.8%	28.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,117 - 20,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	58,719
Số lượng CPLH (CP)	2,892,550,610
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,989,551
Sở hữu nước ngoài	19.6%
Beta	0.67
EPS	3,482
P/E	5.8

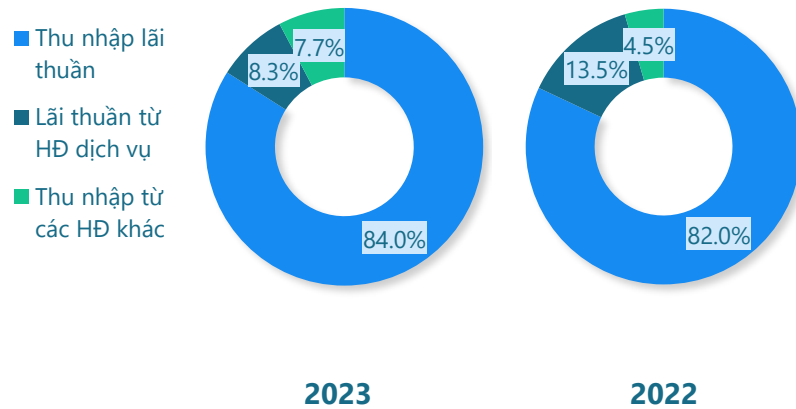


Tổng thu nhập hoạt động của **HDB** năm **2023** **tăng trưởng 20.2%** so với năm trước, đạt **26,413,685** tỷ đồng. Trong đó thu nhập lãi thuần cũng **tăng trưởng 23.2%**, đạt **22,183,974** tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt **10,336,013** tỷ đồng **tăng trưởng 25.9%** so với năm trước.

Tỷ suất sinh lợi của Tài sản có sinh lãi (YOEА) **tăng thêm 2.23%** so với năm trước đạt **11.5%**, và cũng **cao hơn** mức **trung bình ngành 8.30%**. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) **giảm đi 0.16%** ở mức **4.83%**, **cao hơn** mức NIM trung bình ngành **3.46%**.

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Thu nhập thuần



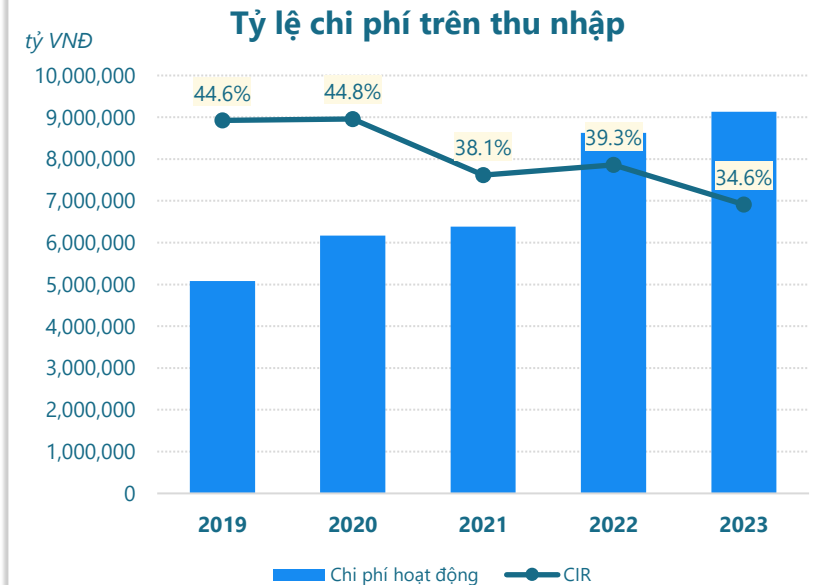
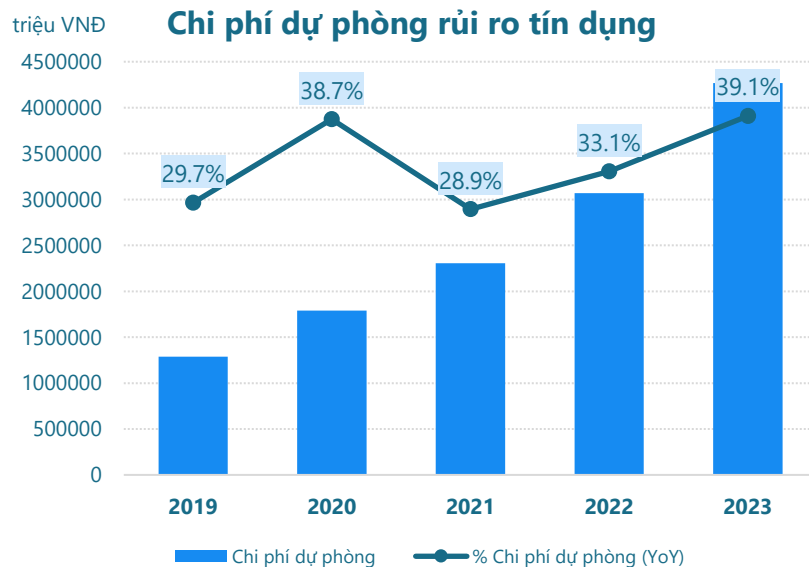
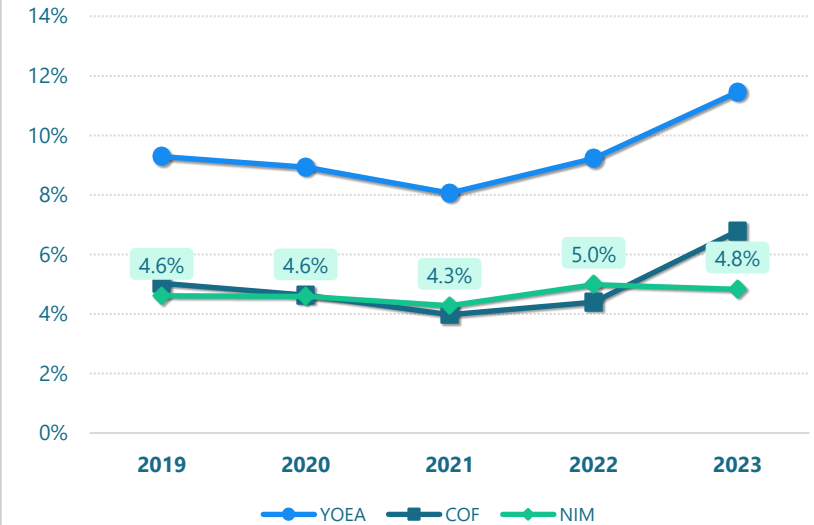
Năm 2023, thu nhập từ lãi thuần của HDB chiếm **84.0%** tổng thu nhập và tỷ lệ này **cao hơn** năm trước (**82.0%**). **Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ** chiếm **8.28%** và **thu nhập từ các hoạt động khác** chiếm **7.73%** tổng thu nhập.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt **4,267,751** tỷ đồng, **tăng 39.1%** so với năm trước.

Tỷ lệ chi phí huy động vốn (COF) là **6.79%**, **tăng thêm 2.40 đ%** so với năm trước. Cho thấy chi phí huy động vốn của ngân hàng ngày càng đắt đỏ hơn. **COF** của HDB **cao** hơn trung bình ngành (**4.84%**) **1.95 đ%**, là một dấu hiệu tiêu cực cho thấy ngân hàng đang phải trả mức lãi suất cao hơn để huy động nguồn vốn so với các ngân hàng khác.

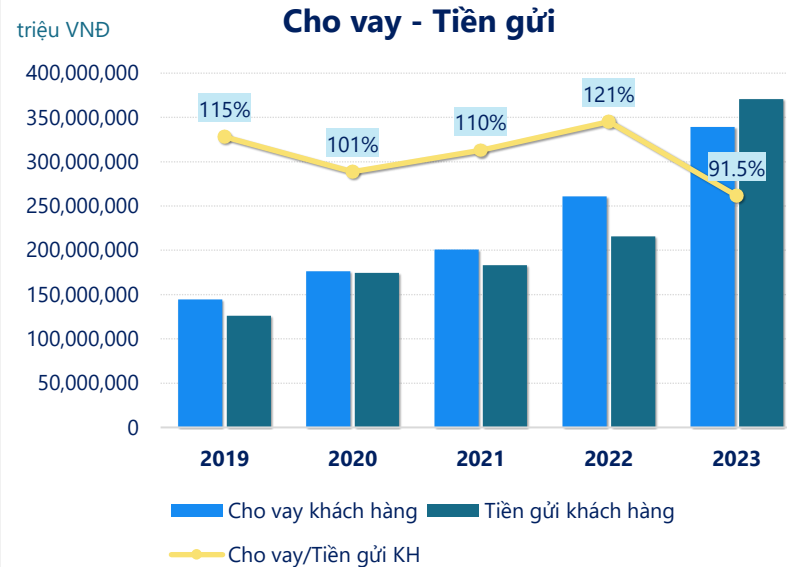
Chi phí hoạt động của HDB năm 2023 là **9,129,202** tỷ đồng, **tăng 5.78%** so với năm trước. Tuy nhiên, Tỷ số chi phí trên thu nhập (CIR) bằng **34.6%** lại **thấp hơn** năm trước **4.73 đ%** cho thấy thu nhập hoạt động đang **tăng** nhanh hơn so với chi phí hoạt động. CIR của HDB **bằng** CIR trung bình ngành (**34.6%**), không phải dấu hiệu xấu nhưng cần cải thiện để nâng cao hiệu quả hoạt

Tỷ suất sinh lợi, Chi phí

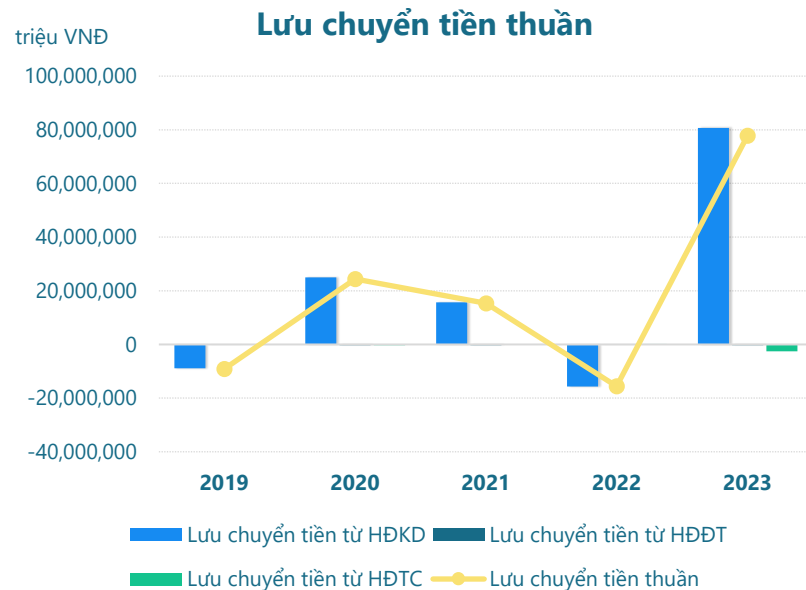


Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

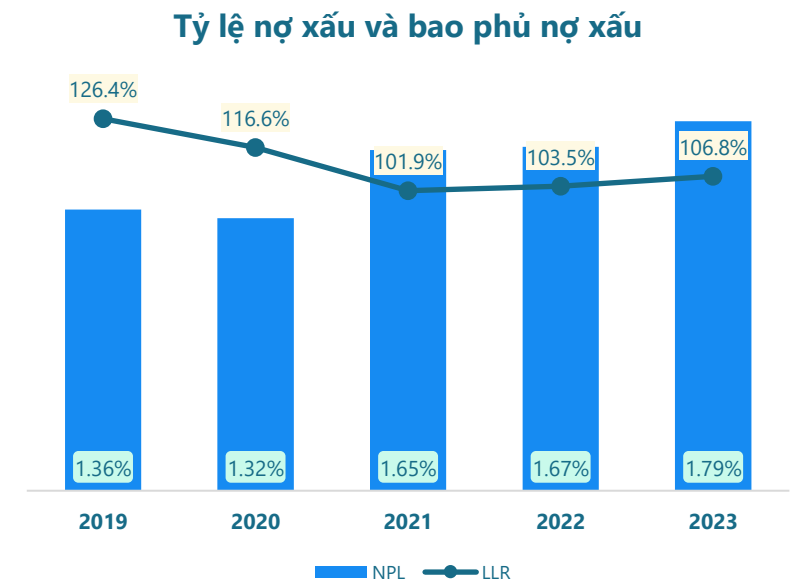
Lưu chuyển tiền thuần năm **2023** của **HDB** dương **77,877,941** tỷ đồng, trong đó đóng góp nhiều nhất là **Lưu chuyển tiền từ HĐKD** chiếm **80,657,045** tỷ đồng. Thể hiện quy mô vốn bằng tiền của ngân hàng đang tăng lên đặc biệt khi dòng tiền dương chủ yếu từ HĐKD.



Tỷ lệ nợ xấu (**NPL**) bằng **1.79%** tăng lên so với năm trước cho thấy chất lượng tài sản của ngân hàng đang giảm, có nhiều khoản vay thành nợ xấu hơn. Tuy nhiên, ngân hàng cũng đã chủ động trong việc tăng cường dự phòng cho các khoản nợ xấu qua Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (**LLR**) tăng lên bằng **107%**.



Năm **2023**, khoản **Cho vay khách hàng** của **HDB** đạt **339,349,838** tỷ đồng, **tăng trưởng 30.1%** so với năm trước. **Tiền gửi khách hàng** đạt **370,777,888** tỷ đồng, **tăng trưởng 71.8%** so với năm trước. **Tỷ lệ cho vay/tiền gửi khách hàng** đạt **91.5%** và thấp hơn so với năm trước, cho thấy ngân hàng đang hoạt động trong ngưỡng an toàn và hoạt động cho vay so với huy động vốn đang giảm dần.





Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

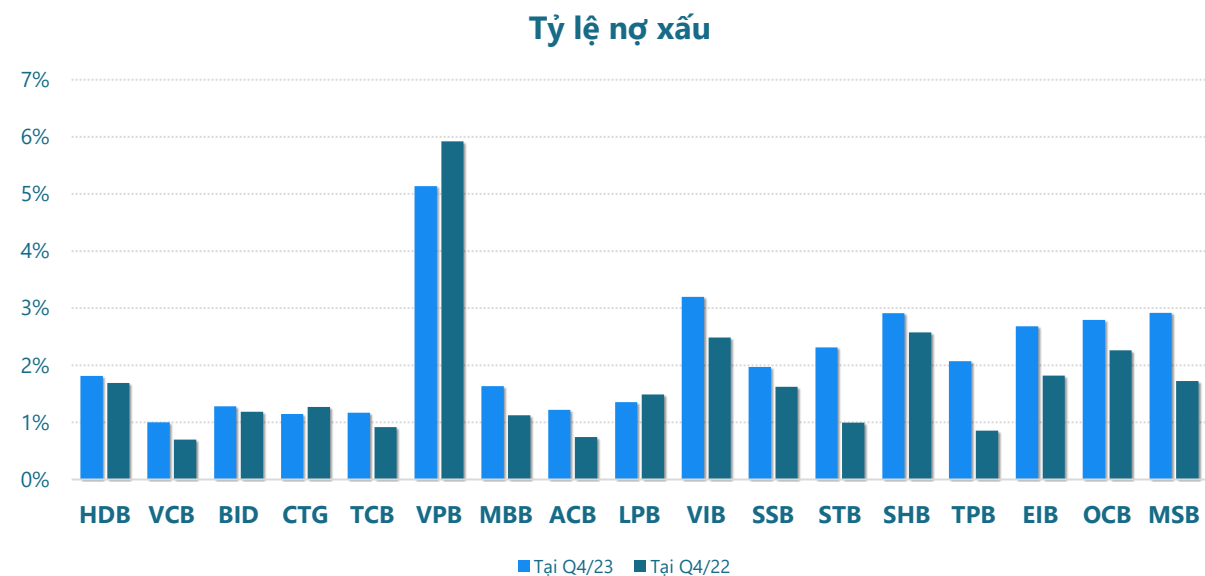
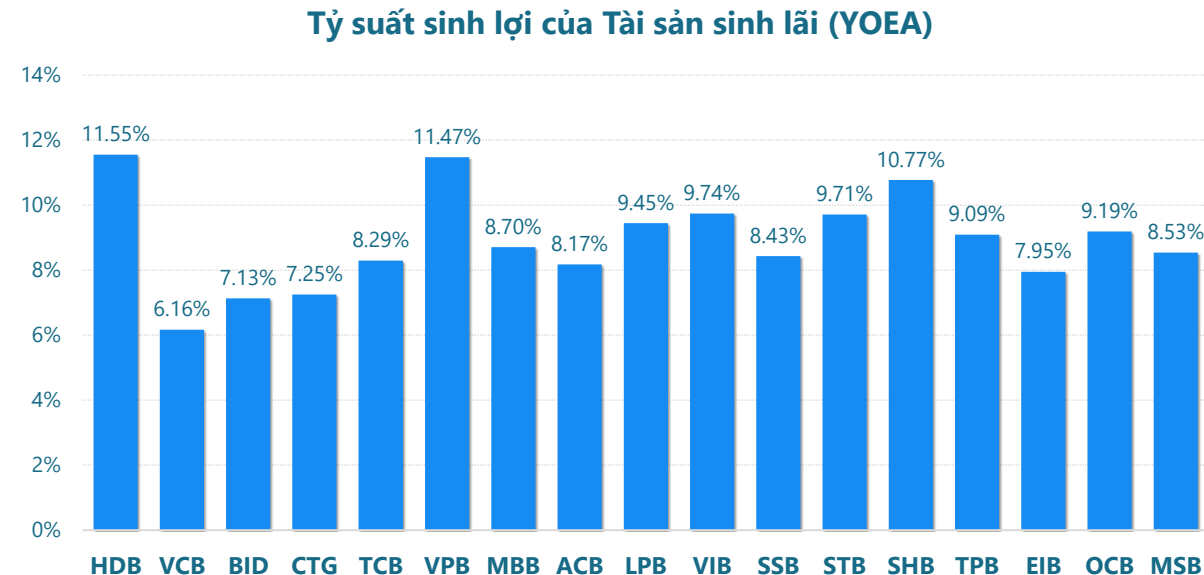
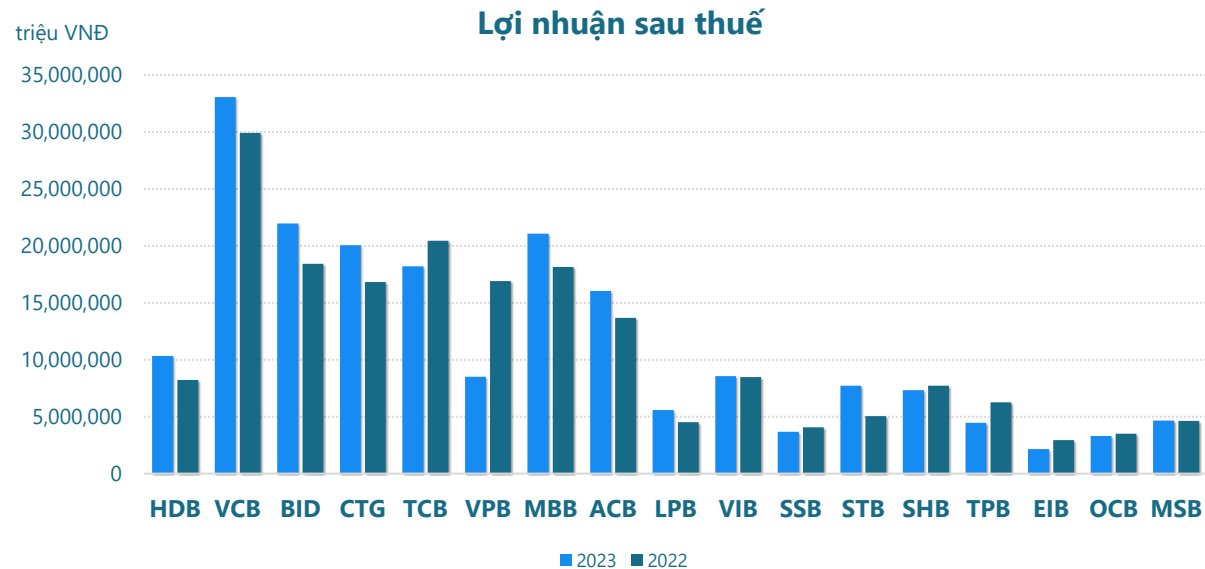
KẾT QUẢ KINH DOANH (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Thu nhập lãi thuần	11,897,705	13,890,777	18,011,568	22,183,974
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	949,983	1,927,438	2,956,818	2,187,802
Lãi thuần từ KD ngoại hối	167,656	179,248	134,237	564,703
Lãi thuần từ CK KD, Đầu tư	244,988	578,145	329,606	1,208,728
Lãi thuần từ HĐ khác	518,843	182,637	528,090	259,153
Lãi thuần từ góp vốn mua cổ phần	260	0	6,785	9,325
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	13,779,435	16,758,245	21,967,104	26,413,685
Chi phí hoạt động	6,172,829	6,382,768	8,630,709	9,129,202
LN trước dự phòng	7,606,606	10,375,477	13,336,395	17,284,483
Chi phí dự phòng	1,788,384	2,305,860	3,068,339	4,267,751
LN trước thuế	5,818,222	8,069,617	10,268,056	13,016,732
Thuế	1,171,125	1,616,118	2,058,586	2,680,719
LN sau thuế	4,647,097	6,453,499	8,209,470	10,336,013
LN ròng	4,248,949	6,053,519	7,749,794	10,070,898

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ #REF!	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	24,960,144	15,652,419	-15,719,078	80,657,045
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-254,886	-277,831	-77,985	-263,843
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-311,937	0	200,000	-2,515,261
Tiền đầu kỳ	30,362,980	54,756,301	70,130,889	54,533,826
Lưu chuyển tiền thuần	24,393,321	15,374,588	-15,597,063	77,877,941
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	54,756,301	70,130,889	54,533,826	132,411,767

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Tổng tài sản	319,127,480	374,611,571	416,273,023	602,314,859
Tiền và TĐ tiền	2,257,255	2,445,611	2,937,994	2,810,044
Tiền gửi tại NHNN	7,788,112	11,847,980	11,273,345	41,481,638
Tín phiếu kho bạc và GTCG	0	0	0	0
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	44,810,934	55,942,644	49,132,317	96,514,863
Chứng khoán kinh doanh	12,478,102	11,198,067	1,797,822	18,580,932
Các CCPS và các TS TC khác	0	0	0	110,079
Cho vay khách hàng	176,387,656	200,758,833	260,754,811	339,349,838
Chứng khoán đầu tư	58,236,806	65,513,425	48,789,184	44,092,289
Góp vốn đầu tư dài hạn	153,636	123,831	144,023	143,781
Tài sản cố định	1,059,428	1,366,325	1,315,057	1,422,759
Bất động sản đầu tư	20,860	0	0	0
Tài sản có khác	15,934,691	25,414,855	40,128,470	57,808,636
Tổng nợ	294,423,432	343,821,458	377,278,137	555,914,537
Các khoản nợ CP và NHNN	142,771	92,656	10,821,258	26,590
Tiền gửi và vay các TCTD khác	75,175,573	107,242,582	92,653,200	112,086,978
Tiền gửi khách hàng	174,620,270	183,283,117	215,797,174	370,777,888
Các CCPS và nợ TC khác	215,182	15,550	226,480	0
Vốn tài trợ, uỷ thác ĐT mà NH chịu RR	3,037,163	2,936,864	2,860,155	2,811,129
Phát hành giấy tờ có giá	34,332,257	42,756,113	44,161,640	50,938,148
Các khoản nợ khác	6,900,216	7,494,576	10,758,230	19,273,804
Vốn chủ sở hữu	22,997,356	30,790,113	36,953,538	44,468,859
Lợi ích của CĐ không kiểm soát	1,706,692	0	2,041,348	1,931,463



Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh



Trong các mã chứng khoán trên, **VCB** có lợi nhuận sau thuế năm 2023 lớn nhất đạt **33,054,448** tỷ đồng (**tăng trưởng 10.5%**). **EIB** có lợi nhuận sau thuế thấp nhất chỉ đạt **2,165,099** tỷ đồng (**giảm đi 26.5%**). Còn lợi nhuận sau thuế của **HDB** đạt **10,336,013** tỷ đồng (**tăng trưởng 25.9%**).

Với Tỷ suất sinh lợi của Tài sản Có sinh lãi (**YOEAE**), **HDB** đạt mức tỷ suất lớn nhất là **11.6%**, **VCB** đạt mức tỷ suất thấp nhất là **6.16%**. Còn **HDB** đạt mức tỷ suất là **11.5%**, xếp **thứ 4** trong các mã trên.

Tỷ lệ nợ xấu của **VPB** là cao nhất ở mức **5.14%**, ở mức thấp nhất là mã **VCB** bằng **1.00%**. Còn **HDB** có tỷ lệ nợ xấu bằng **1.82%**, xếp thứ 4 trong nhóm mã trên.